



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC
Thành viên của PrimeGlobal

**CÔNG TY CỔ PHẦN PETEC
BÌNH ĐỊNH**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

MỤC LỤC

Trang

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 4
Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	7 - 8
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 30

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Petec Bình Định công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Petec Bình Định (tên viết tắt là PETEC BIDICO) (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Doanh nghiệp nhà nước (Công ty Thương nghiệp Tổng hợp Bình Định thuộc Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Định chuyển đổi thành Công ty Cổ phần thương mại Bình Định) theo Quyết định số 35/2001/QĐ-UB ngày 14/05/2001 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Định và Quyết định số 98/QĐ-CPFM ngày 14/04/2007 đổi tên Công ty Cổ phần Thương mại Bình Định thành Công ty Cổ phần Petec Bình Định của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thương mại Bình Định. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3503000014 ngày 13 tháng 05 năm 2001. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 11 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 13 tháng 03 năm 2015 với mã số doanh nghiệp là 4100406219. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Vốn điều lệ : 30.600.000.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến 31/12/2014: 30.600.000.000 đồng.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 389 Trần Hưng Đạo - Phường Trần Hưng Đạo - Thành phố Quy Nhơn - Tỉnh Bình Định.
- Điện thoại: (84) 056 3822 233
- Fax: (84) 056 3823 863
- Website: www.petecbidico.com.vn

Ngành nghề kinh doanh chính

- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Mua bán xăng dầu, mỡ phụ, khí dầu mỏ hóa lỏng và các chế phẩm từ dầu mỏ;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ xăng dầu và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu. Chi tiết: Mua bán hóa chất, phân bón, vật tư nông, ngư nghiệp, nguyên vật liệu phi kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Mua bán phương tiện vận tải;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Mua bán thực ăn gia súc, hàng nông sản;
- Bán mô tô, xe máy;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán máy móc, dây chuyền thiết bị đồng bộ. Mua bán hàng điện lạnh công nghiệp;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông. Chi tiết: Mua bán hàng điện tử, viễn thông;
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp. Chi tiết: Mua bán hàng công nghệ phẩm, sữa và các sản phẩm từ sữa, nước giải khát, thuốc lá, rượu, bia, mỹ phẩm, hàng thủ công mỹ nghệ;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản, đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng đô thị, khu công nghiệp; Cho thuê văn phòng, cửa hàng, ki ốt;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại. Chi tiết: Tổ chức hội thảo, hội nghị, triển lãm quốc tế;
- Khách sạn;
- Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng. Chi tiết: Sản xuất nước uống tinh khiết, nước giải khát đóng chai;
- May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú). Chi tiết: Sản xuất, gia công hàng may mặc;
- Điều hành tua du lịch. Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ du lịch, lữ hành nội địa và quốc tế;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn, lập dự án đầu tư mua sắm, đổi mới thiết bị công nghệ, lập hồ sơ mời thầu, đấu thầu và chọn thầu mua sắm thiết bị công nghệ;
- Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo. Chi tiết: Bán buôn thuốc lá;
- Kinh doanh vận tải đường thủy, đường bộ bao gồm: vận chuyển khách du lịch, vận chuyển khách bằng xe buýt và taxi, vận chuyển hàng hóa; kinh doanh dịch vụ và mua bán sản phẩm trong lĩnh vực công nghệ thông tin, viễn thông. Chế biến thực phẩm đồ hộp, nóng, lạnh, thủy, hải sản.

Công ty có 8 đơn vị trực thuộc và 2 công ty con:

Các Đơn vị trực thuộc

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Petec Bình Định tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Xi nghiệp Chế biến và Kinh doanh hàng tiêu dùng;
- Cửa hàng Xăng dầu Trung Hậu - Đường Đào Tấn - TP Quy Nhơn;
- Cửa hàng Xăng dầu Trung Hậu - Đường Hùng Vương - TP Quy Nhơn;
- Cửa hàng Xăng dầu Phước Lộc - Tuy Phước - Bình Định;
- Cửa hàng Xăng dầu Phú Mỹ - Phú Mỹ - Bình Định;
- Cửa hàng Xăng dầu Hoài Hào - Hoài Nhơn - Bình Định;
- Cửa hàng Xăng dầu Chợ Gồm - Phú Cát - Bình Định.

Các Công ty con

Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH MTV Du lịch Petec	323 Bạch Đằng - Thành phố Quy Nhơn - Tỉnh Bình Định	Nhà hàng ăn uống, khách sạn, lữ hành...	100%
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Chợ Gồm	394 Trần Hưng Đạo - Thành phố Quy Nhơn - Tỉnh Bình Định	Bán buôn, bán lẻ nhiên liệu ría, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	100%

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Công ty TNHH MTV Xăng dầu Chợ Gốm đã giải thể theo Quyết định số 215/2014/QĐ-HĐQT ngày 03/05/2014 của Hội đồng Quản trị Công ty CP Petec Bình Định và chấm dứt hoạt động kể từ ngày 01/01/2015.

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối năm tài chính là 100 người. Trong đó nhân viên quản lý 19 người. Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

• Ông Huỳnh Đức Trường	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 09/05/2013
• Ông Nguyễn Trọng Phát	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 09/04/2009
• Ông Lương Duy Văn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 09/04/2009
• Ông Huỳnh Lạc	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 09/04/2009
• Bà Đỗ Khoa Mỹ Linh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 09/04/2009
• Ông Võ Hữu Tính	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 09/04/2009

Ban Kiểm soát

• Ông Nguyễn Đức Linh	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 12/05/2010
• Bà Phạm Thị Năm	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 09/04/2009
• Ông Nguyễn Văn Phan	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 09/04/2009
• Ông Nguyễn Văn Ánh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 12/05/2010

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

• Ông Nguyễn Trọng Phát	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 16/01/2008
• Ông Lương Duy Văn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 16/01/2008
• Bà Đỗ Khoa Mỹ Linh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 16/01/2008
• Bà Khổng Thị Hà	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 01/04/2011

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78 - 80 Đường 30 tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 511.3655886; Fax: (84) 511.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dong.vn).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên nguyên tắc hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2014 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc

Nguyễn Trọng Phát
Quy Nhơn, ngày 31 tháng 03 năm 2015



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC
THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

Trụ sở chính:
L1-36/40 Đường 04 tháng 4, Q. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 84.8.3912221, Fax: 84.8.3912227
Email: aaahung@aac.vn
Website: http://www.aac.com.vn

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh
47-49 Hoàng Sa (Đường 4 Tháng 4) Quận 5, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 84.8.3912221, Fax: 84.8.3912227
Email: aaahcm@aac.com.vn

Số: 311/2015/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Petec Bình Định

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Petec Bình Định (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 15/03/2015, từ trang 7 đến trang 30, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như trình bày tại Thuyết minh số 14, giá gốc của các khoản đầu tư tài chính dài hạn vào các công ty chưa niêm yết tại ngày 31/12/2014 là 5.478.927.000 đồng. Kiểm toán viên không được cung cấp báo cáo tài chính của các công ty nhận đầu tư cũng như không xác định được giá trị thị trường của các chứng khoán nêu trên. Với hạn chế này, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến về khoản mục "Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn".

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, ngoại trừ ảnh hưởng (nếu có) của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC



Trần Thị Phương Lan – Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0396-2013-010-1



Đỗ Thị Thanh Vân – Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1483-2013-010-1

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu số B 01 - DS
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 và các qui định sửa đổi,
bổ sung của Bộ trưởng BTC.

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		73.143.862.420	73.416.275.585
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	14.091.632.525	9.365.827.039
1. Tiền	111		14.091.632.525	9.365.827.039
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		42.573.443.873	48.937.579.114
1. Phải thu khách hàng	131		39.689.327.309	51.774.525.226
2. Trả trước cho người bán	132		7.605.078.874	1.758.786.081
3. Các khoản phải thu khác	135	6	103.898.588	80.585.622
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	7	(4.824.860.898)	(4.676.317.815)
IV. Hàng tồn kho	140		15.829.086.733	15.050.073.262
1. Hàng tồn kho	141	8	15.829.086.733	15.050.073.262
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		649.699.289	62.796.170
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		544.529.423	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	9	20.241.366	27.121.170
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	10	84.928.500	35.675.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		34.158.297.332	40.446.289.022
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		28.348.428.065	29.509.768.108
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	27.447.880.065	28.609.120.108
- Nguyên giá	222		49.737.233.446	48.287.491.402
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(22.289.353.381)	(19.678.371.294)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	900.648.000	900.648.000
- Nguyên giá	228		900.648.000	900.648.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		5.611.489.749	10.467.083.791
1. Đầu tư vào công ty con	251	13	7.000.000.000	9.500.000.000
2. Đầu tư dài hạn khác	258	14	5.479.064.524	6.666.123.000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	15	(6.867.574.775)	(5.699.041.299)
V. Tài sản dài hạn khác	260		198.279.538	469.437.213
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	16	198.279.538	469.437.213
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		107.302.159.752	113.862.564.607

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Ngày 31 tháng 12 năm 2014

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		53.648.827.588	58.023.757.148
I. Nợ ngắn hạn	310		52.284.373.588	56.481.268.148
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	17	44.421.464.393	38.603.980.407
2. Phải trả người bán	312		3.090.101.281	10.413.478.391
3. Người mua trả tiền trước	313		70.073.326	33.646.303
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	18	1.472.780.406	2.244.862.546
5. Phải trả người lao động	315		1.129.846.928	2.472.420.186
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	19	1.859.850.392	1.785.277.058
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		240.156.862	927.603.347
II. Nợ dài hạn	330		1.364.554.000	1.541.489.000
1. Phải trả dài hạn người bán	331	20	-	-
2. Phải trả dài hạn khác	333	22	1.364.554.000	1.541.489.000
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		53.653.332.184	55.839.807.459
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	53.653.332.184	55.839.807.459
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	21	30.600.000.000	30.600.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417	21	16.557.483.450	16.557.483.450
3. Quỹ dự phòng tài chính	418	21	3.060.000.000	3.060.000.000
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	21	3.435.848.734	5.622.324.009
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		107.302.159.772	113.862.564.607

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU		31/12/2014	31/12/2013
1. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược	VND	-	-
2. Ngoại tệ các loại	USD	-	305,65



Tổng Giám đốc

Trọng Phát

Quy Nhơn, ngày 13 tháng 03 năm 2015

Kế toán trưởng

Khổng Thị Hà

Người lập

Hồ Thị Phong Nguyệt

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Mã số B 02 - DN
Ban hành theo QĐ số 13/2006/QĐ - BTC ngày
20/3/2006 và các qui định của ĐL, lệ mạng
của Bộ trưởng BTC

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
1. Doanh thu bán hàng & cc dịch vụ	01	22	945.602.188.104	1.120.484.967.781
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10	22	945.602.188.104	1.120.484.967.781
4. Giá vốn hàng bán	11	23	914.835.932.869	1.087.472.236.442
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		30.766.255.235	33.012.731.339
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	1.133.645.213	2.633.090.751
7. Chi phí tài chính	22	25	5.118.033.136	7.666.866.514
Trong đó: Chi phí lãi vay	22		3.332.524.752	4.631.220.104
8. Chi phí bán hàng	24		27.159.476.781	30.999.312.021
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		4.666.245.432	7.799.091.413
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(5.043.854.901)	(10.819.447.858)
11. Thu nhập khác	31	26	9.353.107.625	16.297.804.277
12. Chi phí khác	32	27	-	467.821.059
13. Lợi nhuận khác	40		9.353.107.625	15.829.983.218
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	28	4.309.252.724	5.010.535.360
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	990.495.599	1.209.830.656
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	28	3.318.757.125	3.800.704.704
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	1.085	1.242



Nguyễn Trọng Phát

Nguyễn Trọng Phát

Quy Nhơn, ngày 15 tháng 03 năm 2015

Kế toán trưởng

Khổng Thị Hà

Người lập

Hồ Thị Phong Nguyệt

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Mã số B 10 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC ngày
20/3/2006 và các qui định sửa đổi, bổ sung
của Bộ trưởng BTC

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	1.052.284.033.379	1.221.054.285.649
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(1.032.900.352.680)	(1.193.104.720.621)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(7.247.729.449)	(6.623.693.471)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(3.332.524.752)	(4.631.220.104)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(1.760.100.177)	(2.370.603.707)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	2.400.083.688	1.801.788.919
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(8.128.853.322)	(5.915.985.032)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.314.958.687	10.209.951.633
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	-	(405.723.826)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	-	5.412.600.000
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(279.546.381)
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	1.653.501.883	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	54.634.680	452.270.257
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	1.708.136.563	5.179.600.050
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	942.924.422.445	1.092.143.952.672
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(937.106.938.459)	(1.099.830.490.911)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(4.114.373.750)	(4.195.848.450)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	1.703.182.236	(11.882.386.689)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	4.725.805.486	3.507.164.994
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	9.365.827.039	5.838.662.045
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	14.091.632.525	9.365.827.039



Nguyễn Trọng Phát
Quy Nhơn, ngày 15 tháng 03 năm 2015

Kế toán trưởng

Khổng Thị Hà

Người lập

Hồ Thị Phong Nguyệt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Petec Bình Định (tên viết tắt là PETEC BIDICO) (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Doanh nghiệp nhà nước (Công ty Thương nghiệp Tổng hợp Bình Định thuộc Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Định chuyển đổi thành Công ty Cổ phần thương mại Bình Định) theo Quyết định số 35/2001/QĐ-UB ngày 14/05/2001 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Định và Quyết định số 98/QĐ-CPTM ngày 14/04/2007 đổi tên Công ty Cổ phần Thương mại Bình Định thành Công ty Cổ phần Petec Bình Định của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thương mại Bình Định. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3503000014 ngày 15 tháng 05 năm 2001, từ khi thành lập đến nay Công ty đã 11 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 13 tháng 02 năm 2015 với mã số doanh nghiệp là 4100406219. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Ngành nghề kinh doanh chính

- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Mua bán xăng dầu, mỡ phụ, khí dầu mỏ hóa lỏng và các chế phẩm từ dầu mỏ;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ xăng dầu và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu. Chi tiết: Mua bán hóa chất, phân bón, vật tư công, nông, ngư nghiệp, nguyên vật liệu phi kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Mua bán phương tiện vận tải;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Mua bán thực ăn gia súc, hàng nông sản;
- Bán mô tô, xe máy;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán máy móc, dây chuyền thiết bị đồng bộ. Mua bán hàng điện lạnh công nghiệp;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông. Chi tiết: Mua bán hàng điện tử, viễn thông;
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp. Chi tiết: Mua bán hàng công nghệ phẩm, sữa và các sản phẩm từ sữa, nước giải khát, thuốc lá, rượu, bia, mỹ phẩm, hàng thủ công mỹ nghệ;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản, đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng đô thị, khu công nghiệp; Cho thuê văn phòng, cửa hàng, ki ốt;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại. Chi tiết: Tổ chức hội thảo, hội nghị, triển lãm quốc tế;
- Khách sạn;
- Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng. Chi tiết: Sản xuất nước uống tinh khiết, nước giải khát đóng chai;
- Máy trang phục (trừ trang phục từ da lông thú). Chi tiết: Sản xuất, gia công hàng may mặc;
- Điều hành tua du lịch. Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ du lịch, cả hành nội địa và quốc tế;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn, lập dự án đầu tư mua sắm, đổi mới thiết bị công nghệ, lập hồ sơ mời thầu, đấu thầu và chọn thầu mua sắm thiết bị công nghệ;
- Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo. Chi tiết: Bán buôn thuốc lá;
- Kinh doanh vận tải đường thủy, đường bộ bao gồm: vận chuyển khách du lịch, vận chuyển khách bằng xe buýt và taxi, vận chuyển hàng hóa; kinh doanh dịch vụ và mua bán sản phẩm trong lĩnh vực công nghệ thông tin, viễn thông. Chế biến thực phẩm đồ hộp, nông, lâm, thủy, hải sản.

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi số bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các qui định về sửa đổi, bổ sung có liên quan của Bộ Tài chính.

Hình thức kế toán: Nhật ký chứng từ.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu áp dụng

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.2 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Việc ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ Tài chính. Theo đó, đối với việc thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh kế toán thì thực hiện theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch, đối với việc đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ thì thực hiện theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và do đánh giá lại số dư cuối kỳ được phản ánh vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

4.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.5 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh và các khoản đầu tư tài chính khác được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng được lập cho các khoản giảm giá đầu tư sau phát sinh tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 của Bộ Tài chính.

4.6 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Khấu hao của tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính.

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	3 - 25
Máy móc thiết bị	3 - 12
Phương tiện truyền tải, truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	3

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4.7 Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

+ Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn).

+ Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà đã trả tiền thuê đất cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước tiền thuê đất cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá TSCĐ là quyền sử dụng đất được xác định là toàn bộ khoản tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp cộng các chi phí cho đến bù giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ (không bao gồm các chi phí chi ra để xây dựng các công trình trên đất); hoặc là giá trị quyền sử dụng đất nhận góp vốn.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao.

Các tài sản cố định vô hình khác

Các tài sản cố định vô hình khác được phân ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Khấu hao của tài sản cố định vô hình khác được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính.

4.8 Ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ theo thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

4.9 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó:
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4.10 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc niên độ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sẽ dùng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

4.11 Chính sách thuế và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế Giá trị gia tăng: Các mặt hàng xi măng, xăng dầu, công nghệ phẩm: Áp dụng mức thuế suất 10%. Các mặt hàng và dịch vụ khác áp dụng mức thuế suất theo quy định hiện hành.
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất 22%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.12 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư tài chính, phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công cụ tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.13 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tiền mặt	143.283.177	70.975.068
Tiền gửi ngân hàng	13.948.349.348	9.294.851.971
Cộng	14.091.632.525	9.365.827.039

6. Các khoản phải thu khác

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Dỗ Ngọc Hùng	35.845.000	-
Phải thu về BHXH	-	18.446.000
Các khoản phải thu khác	68.053.588	62.139.622
Cộng	103.898.588	80.585.622

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán:	4.824.860.898	4.676.317.815
- Từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm	72.982.321	560.417.244
- Từ 1 năm đến dưới 2 năm	854.921.730	639.779.236
- Từ 2 năm đến dưới 3 năm	333.307.863	224.021.000
- Trên 3 năm	3.363.648.984	3.252.100.335
Cộng	4.824.860.898	4.676.317.815

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

8. Hàng tồn kho

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	4.842.681.814	5.177.136.363
Nguyên liệu, vật liệu	38.813.535	122.481.988
Thành phẩm	39.448.474	20.879.377
Hàng hóa	10.908.142.910	9.729.575.534
Cộng	14.829.086.733	15.050.073.262

9. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Thuế TNDN nộp thừa	20.241.366	-
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	-	27.121.170
Cộng	20.241.366	27.121.170

10. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tạm ứng	84.928.500	35.675.000
Cộng	84.928.500	35.675.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

11. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Số đầu năm	39.012.269.033	7.428.962.609	1.756.518.699	89.741.061	48.287.491.402
Nhận từ Công ty con	1.449.742.044	-	-	-	1.449.742.044
T/ý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số cuối năm	<u>40.462.011.077</u>	<u>7.428.962.609</u>	<u>1.756.518.699</u>	<u>89.741.061</u>	<u>49.737.233.446</u>
Khấu hao					
Số đầu năm	13.238.140.172	4.912.038.446	1.438.451.615	89.741.061	19.678.371.294
Khấu hao	1.709.556.973	844.004.819	57.420.295	-	2.610.982.087
T/ý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số cuối năm	<u>14.947.697.145</u>	<u>5.756.043.265</u>	<u>1.495.871.910</u>	<u>89.741.061</u>	<u>22.289.353.381</u>
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	25.774.128.861	2.516.924.163	318.067.084	-	28.609.120.108
Số cuối năm	<u>25.514.313.932</u>	<u>1.672.919.344</u>	<u>260.646.789</u>	<u>-</u>	<u>27.447.880.065</u>

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 31/12/2014: 19.351.671.550 đồng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2014: 8.175.260.530 đồng.

12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất lâu dài VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Số đầu năm	900.648.000	900.648.000
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	<u>900.648.000</u>	<u>900.648.000</u>
Khấu hao		
Số đầu năm	-	-
Khấu hao trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	<u>-</u>	<u>-</u>
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	900.648.000	900.648.000
Số cuối năm	<u>900.648.000</u>	<u>900.648.000</u>

Quyền sử dụng đất lâu dài là Thửa đất số 1337, tờ bản đồ số 07 tại Xã Cát Hạch, Huyện Phù Cát, Tỉnh Bình Định. Diện tích: 1.080 m². Mục đích sử dụng: Làm kho bãi phục vụ sản xuất kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

13. Đầu tư vào công ty con

	31/12/2014		31/12/2013	
	Số lượng	Giá trị VND	Số lượng	Giá trị VND
Dầu tư vào công ty con				
+ Công ty TNHH MTV Du lịch Petec Bình Định		7.000.000.000		7.000.000.000
+ Công ty TNHH MTV Xăng dầu Chợ Gạo		-		2.500.000.000
Cộng		7.000.000.000		9.500.000.000

14. Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2014		31/12/2013	
	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị VND	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị VND
Dầu tư dài hạn khác				
+ Đầu tư cổ phiếu	487.866	5.479.064.524	544.333	6.666.125.000
- Công ty CP Cà phê Petec	29.200	296.000.000	29.200	296.000.000
- Công ty CP Vật tư Xăng dầu Petec (*)	-	-	13.500	136.350.000
- Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Nam Định (*)	8.823	136.350.000	-	-
- Công ty CP Kho vận Petec	200.000	2.000.000.000	200.000	2.000.000.000
- Công ty CP Xi măng Hà Tiên 1	6	137.524	31.796	1.187.198.000
- Công ty CP BĐ sản và Kỹ thuật Xăng dầu	200.000	2.000.000.000	200.000	2.000.000.000
- TCT TM Kỹ thuật và Đầu tư - City Cổ phần	49.837	1.046.577.000	49.837	1.046.577.000
Cộng		5.479.064.524		6.666.125.000

(*) Trong năm 2014, Công ty CP Vật tư Xăng dầu Petec đã sáp nhập vào Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Nam Định theo phương thức hoán đổi cổ phiếu. Theo đó, tỷ lệ hoán đổi cổ phiếu là 1,53 cổ phiếu của Công ty CP Vật tư Xăng dầu Petec hoán đổi lấy 1 cổ phiếu của Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Nam Định. Ngày chốt danh sách cổ đông Công ty CP Vật tư Xăng dầu Petec để thực hiện việc hoán đổi cổ phiếu là 16h00 ngày 31/12/2014.

Các cổ phiếu mà Công ty đang đầu tư dài hạn chưa được niêm yết tại các sàn giao dịch (trừ cổ phiếu của Công ty CP Xi măng Hà Tiên 1) và Công ty cũng không có được nguồn dữ liệu tham khảo nào về thị giá của các cổ phiếu. Cho đến thời điểm này, Công ty chưa nhận được Báo cáo tài chính năm 2014 của các Công ty nói trên. Do đó, giá trị của khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc và không trích lập dự phòng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

15. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2014		31/12/2013	
	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị VND	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị VND
Dự phòng tổn thất các công ty con		6.867.541.651		4.770.823.299
+ Công ty TNHH MTV Du lịch Petec Bình Định	-	6.867.541.651	-	4.588.403.162
+ Công ty TNHH MTV Kênh dầu Chợ Gạo	-	-	-	182.419.137
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác		33.124		928.218.000
+ Đầu tư cổ phiếu	6	33.124	31.796	928.218.000
- Công ty CP Xi măng Hà Tiên 1	6	33.124	31.796	928.218.000
Cộng		6.867.574.775		5.699.041.299

16. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Công cụ dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	69.064.376	159.199.815
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	106.647.162	276.929.248
Chi phí trả trước dài hạn khác	22.568.000	33.308.150
Cộng	198.279.538	469.437.213

17. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Vay ngắn hạn	44.421.464.393	38.603.980.407
- NH TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Quy Nhơn	44.421.464.393	38.603.980.407
Nợ ngắn hạn	-	-
Cộng	44.421.464.393	38.603.980.407

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	24.844.216
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	749.363.212
Thuế thu nhập cá nhân	140.626.195	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	1.332.154.211	1.470.655.118
Cộng	1.472.780.406	2.244.862.546

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

19. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	85.319.292	104.017.984
Nguyễn Công Hoàn	246.865.997	620.339.997
Cửa hàng Lợi An Phú	107.000.000	107.000.000
Có tức phải trả	1.160.312.358	684.686.108
Các khoản phải trả, phải nộp khác	260.352.745	269.232.969
Cộng	1.859.850.392	1.785.277.058

20. Phải trả dài hạn khác

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Nhận ký cược ký quỹ dài hạn	1.364.554.000	1.541.489.000
Cộng	1.364.554.000	1.541.489.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

21. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	LNST chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư tại 01/01/2013	30.600.000.000	16.267.003.001	3.060.000.000	6.713.228.276	56.640.231.277
Tăng trong năm	-	290.483.449	-	3.800.704.704	4.091.188.153
Giảm trong năm	-	-	-	4.891.608.971	4.891.608.971
Số dư tại 31/12/2013	<u>30.600.000.000</u>	<u>16.557.483.450</u>	<u>3.060.000.000</u>	<u>5.622.324.009</u>	<u>55.839.807.459</u>
Số dư tại 01/01/2014	30.600.000.000	16.557.483.450	3.060.000.000	5.622.324.009	55.839.807.459
Tăng trong năm	-	-	-	3.318.757.125	3.318.757.125
Giảm trong năm	-	-	-	5.505.732.400	5.505.732.400
Số dư tại 31/12/2014	<u>30.600.000.000</u>	<u>16.557.483.450</u>	<u>3.060.000.000</u>	<u>3.435.348.734</u>	<u>53.653.332.184</u>

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
TCT Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - Công ty Cổ phần	9.652.000.000	9.652.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	20.948.000.000	20.948.000.000
Cộng	<u>30.600.000.000</u>	<u>30.600.000.000</u>

c. Cổ phiếu

	31/12/2014 Cổ phiếu	31/12/2013 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	3.060.000	3.060.000
- Cổ phiếu thường	3.060.000	3.060.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.060.000	3.060.000
- Cổ phiếu thường	3.060.000	3.060.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000VND		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	5.622.324.009	6.713.228.276
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	3.318.757.125	3.800.704.704
Các khoản giảm lợi nhuận	5.505.232.400	4.891.608.971
Phân phối lợi nhuận năm trước (*)	3.975.232.400	3.361.608.971
- Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	290.480.449
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	715.232.400	464.268.522
- Trích Quỹ khen thưởng Ban điều hành	200.000.000	158.860.000
- Trả cổ tức	3.060.000.000	2.448.000.000
Phân phối lợi nhuận năm nay (**)	1.530.000.000	1.530.000.000
- Trả cổ tức	1.530.000.000	1.530.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	3.435.848.734	5.622.324.009

(*) Việc trích lập các quỹ và trả cổ tức từ lợi nhuận năm 2013 căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 ngày 14/05/2014.

(**) Công ty tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2014 theo tỷ lệ 5% vốn điều lệ căn cứ theo Biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 23/08/2014.

22. Doanh thu

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	945.602.188.104	1.120.484.967.781
- Doanh thu kinh doanh xi măng	293.638.368.698	302.603.639.599
- Doanh thu kinh doanh xăng dầu	346.283.818.625	394.124.422.641
- Doanh thu kinh doanh công nghệ phần mềm	98.832.328.126	102.373.660.739
- Doanh thu kinh doanh ô tô	-	130.000.000
- Doanh thu kinh doanh sản lát	-	113.498.456.785
- Doanh thu cho thuê nhà, kho bãi	3.353.878.030	6.232.437.302
- Doanh thu bán thành phẩm nước	1.473.594.625	1.300.330.495
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	945.602.188.104	1.120.484.967.781

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

23. Giá vốn hàng bán

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Giá vốn kinh doanh xi măng	279.772.820.259	287.279.646.261
Giá vốn kinh doanh xăng dầu	536.316.414.623	586.836.684.476
Giá vốn kinh doanh công nghệ phẩm	97.494.410.790	101.148.691.145
Giá vốn kinh doanh ô tô	-	147.754.618
Giá vốn kinh doanh sản lặt	-	110.737.405.556
Giá vốn bán thành phẩm nước	1.252.287.197	1.302.054.386
Cộng	914.835.932.869	1.087.472.236.442

24. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	54.634.680	67.470.257
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	384.800.000
Nhận hỗ trợ lãi suất	331.238.000	620.400.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	375.050.010
Lãi bán hàng trả chậm	747.772.533	1.185.370.484
Cộng	1.133.645.213	2.633.090.751

25. Chi phí tài chính

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí lãi vay	3.332.524.752	4.631.220.104
Chi phí lãi tài khoản ký quỹ	63.748.806	87.532.969
Lỗ giải thể công ty con (Công ty TNHH MTV XD Chợ Gốm)	246.949.311	-
Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính dài hạn	1.168.533.476	2.942.896.303
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.555	5.217.138
Lỗ bán chứng khoán đầu tư	306.275.236	-
Cộng	5.118.033.136	7.668.866.514

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

16. Thu nhập khác

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Thu nhập từ nhận khuyến mãi, thưởng, hỗ trợ bán hàng	9.248.963.234	11.128.633.039
Thu nhập từ bán thanh lý, chuyển nhượng tài sản	-	4.920.545.455
Thu nhập khác	104.144.391	248.625.783
Cộng	9.353.107.625	16.297.804.277

17. Chi phí khác

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí bán thanh lý, chuyển nhượng tài sản	-	364.831.586
Chi phí khác	-	103.389.473
Cộng	-	468.221.059

18. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và lợi nhuận sau thuế trong năm

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.309.252.724	3.010.535.360
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	193.000.000	(171.212.737)
Điều chỉnh tăng	193.000.000	213.587.263
- Chi phí không hợp lý	52.000.000	89.587.263
- Thuế tạo HĐQT, BKS không trực tiếp điều hành	141.000.000	124.000.000
Điều chỉnh giảm	-	384.800.000
- Cổ tức nhận được	-	384.800.000
Tổng thu nhập chịu thuế	4.502.252.724	4.839.322.623
Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	990.495.599	1.209.830.656
Lợi nhuận sau thuế TNDN	3.511.757.125	3.629.491.967

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

29. Lợi cơ bán trên cổ phiếu

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.318.757.125	3.800.704.704
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán LN hoặc Lỗ phân bổ cho Cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	3.060.000	3.060.000
Lợi cơ bán trên cổ phiếu	1.085	1.242

30. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.614.106.677	1.969.946.824
Chi phí nhân công	7.017.244.709	7.966.202.699
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.610.982.087	2.733.891.008
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.895.072.654	21.864.464.671
Chi phí khác bằng tiền	2.940.603.283	5.563.952.618
Cộng	33.078.009.410	40.100.457.820

31. Công cụ tài chính

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá hàng hóa), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Toàn bộ các khoản vay nợ trong năm của Công ty đều là vay nợ Ngân hàng, mức lãi suất trong các thỏa thuận vay nợ tương đối ổn định. Để giảm thiểu rủi ro về lãi suất, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Do đó, rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự kiến của Công ty ở mức thấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua hàng hóa chủ yếu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động thương mại, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá bán của hàng hóa mua vào. Để quản lý rủi ro về biến động giá cả hàng hóa mua vào công ty đã ký kết các hợp đồng với mức chiết khấu phù hợp và ổn định. Mặt khác giá cả của các loại hàng hóa này thường ít biến động nên Công ty cho rằng rủi ro về giá cả hàng hóa trong hoạt động kinh doanh ở mức thấp.

Quản lý rủi ro tín dụng

Công ty bán hàng theo hai phương thức sau: thông qua các đại lý và trực tiếp bán tại các cửa hàng.

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng nhiều biện pháp tùy vào các phương thức bán hàng:

- Bán hàng qua các đại lý: Công nợ của các đại lý được quản lý bằng việc cấp hạn mức dư nợ tối đa theo từng quý trong năm. Theo đó, mỗi đại lý sẽ có một mức dư nợ khác nhau và các khoản nợ vượt hạn mức sẽ bị tính lãi vay theo mức lãi suất của ngân hàng mà Công ty giao dịch.
- Bán hàng trực tiếp: Phần lớn công nợ được thu bằng tiền mặt. Do đó, rủi ro tín dụng đối với các khoản công nợ phải thu phát sinh từ hoạt động bán hàng trực tiếp ở mức thấp.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó.

Tổng hợp các khoản nợ tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

	Đơn vị tính: VND		
31/12/2014	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Các khoản vay và nợ	44.421.464.393	-	44.421.464.393
Phải trả người bán	3.090.101.281	-	3.090.101.281
Phải trả khác	1.774.531.100	1.364.554.000	3.139.085.100
Cộng	49.286.096.774	1.364.554.000	50.650.650.774
31/12/2013	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Các khoản vay và nợ	38.603.980.407	-	38.603.980.407
Phải trả người bán	10.413.478.301	-	10.413.478.301
Phải trả khác	1.681.259.074	1.541.489.000	3.222.748.074
Cộng	50.698.717.782	1.541.489.000	52.240.206.782

Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro thanh khoản của Công ty ở mức kiểm soát được và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền từ hoạt động kinh doanh và các tài sản tài chính để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

Đơn vị tính: VND

31/12/2014	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.091.632.525	-	14.091.632.525
Phải thu khách hàng	34.864.466.411	-	34.864.466.411
Đầu tư tài chính	-	5.479.031.400	5.479.031.400
Phải thu khác	103.898.588	-	103.898.588
Cộng	49.059.997.524	5.479.031.400	54.539.028.924

31/12/2013	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.365.827.039	-	9.365.827.039
Phải thu khách hàng	47.098.207.411	-	47.098.207.411
Đầu tư tài chính	-	5.737.907.000	5.737.907.000
Phải thu khác	62.139.622	-	62.139.622
Cộng	56.526.174.072	5.737.907.000	62.264.081.072

31. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là thương mại và một bộ phận địa lý chính là tỉnh Bình Định.

33. Thông tin các bên liên quan

a. Các bên liên quan

Tên Công ty liên quan	Mối quan hệ
TCTThương mại Kỹ thuật và Đầu tư - Công ty CP	Công ty đầu tư
Chi nhánh TCT TM Kỹ thuật và Đầu tư tại Bình Định	Chi nhánh của Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và đầu tư
Công ty TNHH MTV Du lịch Petec	Công ty con
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Chợ Gồm (Giải thể ngày 05/5/2014)	Công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

b. Giao dịch với các bên liên quan

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Chi nhánh TCT TM Kỹ thuật và Dầu tư tại Bình Định	-	193.231.170
Công ty TNHH MTV Du lịch Petec	690.345.000	815.214.000
Mua hàng		
Chi nhánh TCT TM Kỹ thuật và Dầu tư tại Bình Định	122.067.563.394	200.072.756.312
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Chợ Gồm	2.148.424.300	32.097.696.147

c. Số dư với các bên liên quan

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Phải thu khách hàng		
Công ty TNHH MTV Du lịch Petec	1.320.288.000	664.254.000
Phải trả người bán		
Chi nhánh TCT TM Kỹ thuật và Dầu tư tại Bình Định	1.151.250.761	855.132.035

d. Giao dịch với các cơ bộ quản lý chủ chốt

Lương, thưởng và thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc như sau:

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Thù lao Hội đồng quản trị	276.000.000	276.000.000
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	547.500.000	693.790.000
- Tiền lương	487.500.000	643.790.000
- Tiền thưởng	60.000.000	50.000.000
Cộng	823.500.000	969.790.000

34. Sự kiện nổi bật phát sinh trong năm

Ngày 05/05/2014, Hội đồng quản trị Công ty CP Petec Bình Định đã ban hành Quyết định số 215/2014/QĐ-HĐQT về việc giải thể Công ty TNHH MTV Xăng dầu Chợ Gồm và sáp nhập vào Công ty. Hiện nay, Công ty đang làm các thủ tục với các cơ quan chức năng tỉnh Bình Định để được thông báo chính thức giải thể.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

35. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

36. Số liệu so sánh

Là số liệu trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 đã được kiểm toán bởi AAC.



Kế toán trưởng

Khổng Thị Hà

Người lập

Hồ Thị Phong Nguyệt

Trụ sở chính tại Đà Nẵng

Lô 79-80, Đường 20/4,
Tp. Đà Nẵng, Việt Nam
Tel: +84-5111 3652 886
Fax: +84-5111 3652 887
Email: aa@dong.vn
Website: <http://www.aa.com.vn>

Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh

Lầu 4, Tòa nhà Hoàng Đan
47-49 Hoàng Sa, Quận 1
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel: +84-81 3910 2285
Fax: +84-81 3910 2388
Email: aa.hcm@aa.com.vn

Thành viên
 PrimeGlobal